

Số: **24**/GM-UBND

Quảng Ngãi, ngày **11** tháng 02 năm 2020

## GIẤY MỜI

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện Đề án thí điểm Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn 02 huyện Sơn Tây và Tây Trà trong năm 2019.

### 1. Thành phần

- Mời: Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

- Đồng chí Võ Phiên - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, chủ trì.

- Lãnh đạo các sở ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc tỉnh, Cục Thống kê tỉnh.

- Lãnh đạo Hội, đoàn thể tỉnh: Liên hiệp Phụ nữ, Nông dân, Cựu Chiến binh, Tỉnh đoàn.

- Lãnh đạo UBND huyện và Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội 02 huyện: Sơn Tây và Tây Trà.

- Phóng viên: Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh.

- VPUB: C, PCVP(KT), P.KT, CBTH.

**2. Thời gian:** Vào lúc 14h00, ngày 17/02/2020 (Thứ Hai).

**3. Địa điểm:** Phòng họp số 2 – UBND tỉnh.

**4. Chuẩn bị nội dung:** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chuẩn bị nội dung, tài liệu và trực tiếp báo cáo tại cuộc họp.

*(Gửi kèm theo Giấy mời dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án nêu trên để các đại biểu tham dự nghiên cứu và tham gia tại cuộc họp).*

Kính mời các đồng chí sắp xếp tham dự họp./.

Nơi nhận:

- Như thành phần;
- P.QTTV;
- Lưu: VT, KT.

TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Quốc Đạt

Số: /BC-SLĐTBXH

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2020

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện Đề án thực hiện thí điểm Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn 02 huyện: Sơn Tây và Tây Trà trong năm 2019**  
(Tài liệu phục vụ cuộc họp ngày / /2020)

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án thực hiện thí điểm Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn 02 huyện: Sơn Tây và Tây Trà trong năm 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND (gọi tắt là Đề án) trên cơ sở báo cáo của UBND huyện: Sơn Tây và Tây Trà.

Cụ thể như sau:

**1. Công tác hướng dẫn, triển khai thực hiện**

- Thực hiện Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 và Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện kịp thời, cụ thể:

+ Tổ chức cuộc họp triển khai Đề án vào ngày 07/5/2019; đồng thời, hướng dẫn thực hiện Đề án thực hiện thí điểm Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững năm 2019 tại Công văn số 1302/SLĐTBXH-VPGN ngày 08/11/2019.

+ Tổ chức 02 cuộc kiểm tra tình triển khai thực hiện Chính sách này trên địa bàn 02 huyện Sơn Tây và Tây Trà (mỗi huyện kiểm tra 02 xã). Qua đó, có văn bản đề nghị các địa phương chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện Đề án tại Công văn số 3561/SLĐTBXH-VPGN ngày 26/11/2019.

- Trên cơ sở nội dung Đề án và hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Sơn Tây và Tây Trà đã kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án, cụ thể:

+ Cấp huyện, xã và các thôn đã tổ chức họp để triển khai thực hiện Đề án và các văn bản hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức trực tiếp theo dõi Đề án đồng thời có nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở cấp xã và thôn trong quá trình thực hiện Đề án (Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 9/3/2018

*của UBND huyện Sơn Tây để tiếp tục thực hiện năm 2019; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 và Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND Tây Trà).*

- Mặt trận và Đoàn thể các cấp trên địa bàn các huyện đã có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác tuyên truyền, phát động phong trào thi đua phát triển sản xuất đến từng hộ nghèo, rà soát nắm bắt thông tin hộ, hướng dẫn hộ nghèo đăng ký theo nội dung của Đề án trên tinh thần tự nguyện từ ý chí và nội lực của bản thân hộ nghèo; triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp của đề án trên địa bàn huyện.

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án**

- UBND 02 huyện đã tổ chức tuyên truyền trên Đài Truyền thanh huyện, xã; chỉ đạo các xã cử cán bộ mặt trận, đoàn thể, trưởng thôn xuống tận khu dân cư để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cho người dân về nội dung Đề án.

- Theo báo cáo của 02 huyện, 18 xã đã tổ chức cuộc họp triển khai Đề án và 78 thôn đã tổ chức họp dân và Ban dân chính thôn (*bình quân mỗi thôn tổ chức 02 cuộc*) để triển khai nội dung Đề án. Qua đó, đã có trên 5.387 hộ nghèo trên địa bàn 02 huyện được tuyên truyền, tiếp cận Đề án này.

## **3. Trách nhiệm của cán bộ theo dõi, hướng dẫn**

- UBND các huyện ban hành quyết định phân công trách nhiệm cho cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn hộ nghèo trong quá trình thực hiện mỗi huyện 10 cán bộ (01 người cấp huyện, 09 người cấp xã). Bên cạnh đó, UBND các huyện giao cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với UBND các xã xây dựng kế hoạch thực hiện của cán bộ, công chức được phân công trên (*gọi là Tổ theo dõi và hướng dẫn, hỗ trợ hộ nghèo tham gia Đề án*); các thành viên trong Tổ theo dõi lập sổ theo dõi cá nhân và theo dõi hoạt động sản xuất của hộ nghèo tham gia Đề án theo định kỳ hàng tháng.

Ngoài ra, các xã cũng thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án, phân công cụ thể cho từng thành viên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc đến từng thôn, khu dân cư.

- Tình hình theo dõi, hướng dẫn của cán bộ đối với gia đình: Cán bộ được phân công trực tiếp đến các hộ gia đình đã đăng ký phương án sản xuất, kinh doanh hướng dẫn mở sổ nhật ký theo dõi và ghi chép tình hình thu, chi của hộ gia đình phát sinh trong từng tháng, đồng thời hướng dẫn các hộ nghèo cách làm ăn, chăm sóc vật nuôi, cây trồng...

## **4. Về nhận thức và đăng ký tham gia của hộ nghèo**

Sau khi được triển khai, tuyên truyền bằng nhiều hình thức các hộ nghèo trên địa bàn các huyện đã đăng ký thi đua lao động sản xuất để tăng thu nhập cho gia đình để được thụ hưởng chính sách của Đề án, cụ thể:

- Có 2.423/5.387 hộ nghèo (*trừ hộ nghèo bảo trợ xã hội*) đăng ký, cam kết tham gia Đề án, chiếm tỷ lệ 44,9%. Theo đó, các địa phương đã tổ chức

lựa chọn những hộ đã đăng ký có quyết tâm và có điều kiện hơn về sản xuất, kinh doanh là 669 hộ để theo dõi, hướng dẫn. Các hộ nghèo đã lựa chọn phương án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả nhất (trồng keo nguyên liệu, trồng quế; chăm sóc và khai thác rừng trồng,...) của hộ để đăng ký thi đua, tham gia Đề án.

- Các hộ nghèo sau khi được hướng dẫn của cán bộ, công chức các cấp đã có 296 hộ nghèo hưởng ứng cao phong trào thi đua, lao động sản xuất và tạo ra nhiều sản phẩm tăng thu nhập cho gia đình. Tuy nhiên, vẫn còn 373 hộ nghèo chưa tích cực lao động sản xuất để tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo.

## **5. Về thu nhập**

Thu nhập bình quân của hộ nghèo của các huyện như sau:

- Huyện Tây Trà:

+ Ước thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm) của số hộ có quyết tâm và có điều kiện hơn về sản xuất kinh doanh được lựa chọn theo dõi (từ 25% - 30%) tại thời điểm cuối năm 2018 là 4.800.000 đồng. Trong đó: Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm) của hộ nghèo phê duyệt được hưởng chính sách của Đề án là 8.400.000 đồng.

+ Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm) của số hộ có quyết tâm và có điều kiện hơn về sản xuất kinh doanh được lựa chọn theo dõi (từ 25% - 30%) tại thời điểm cuối năm 2019 là 10.800.000 đồng. Trong đó, thu nhập bình quân của hộ nghèo phê duyệt được hưởng chính sách của Đề án là 21.600.000 đồng.

+ Tổng số hộ có thu nhập bình quân từ 20 triệu đồng/người/năm trở lên là 24 hộ.

- Huyện Sơn Tây:

+ Ước thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm) của số hộ có quyết tâm và có điều kiện hơn về sản xuất kinh doanh được lựa chọn theo dõi (từ 25% -30%) tại thời điểm cuối năm 2018 là 6.542.000 đồng. Trong đó, thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm) của hộ nghèo phê duyệt được hưởng chính sách của Đề án là 7.500.000 đồng.

+ Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm) của số hộ có quyết tâm và có điều kiện hơn về sản xuất kinh doanh được lựa chọn theo dõi (từ 25% -30%) tại thời điểm cuối năm 2019 là 11.900.000 đồng. Trong đó, thu nhập bình quân của hộ nghèo phê duyệt được hưởng chính sách của Đề án: 21.400.000 đồng.

+ Tổng số hộ có thu nhập bình quân từ 20 triệu đồng/người/năm trở lên là 25 hộ

## **6. Kết quả thực hiện**

Qua kết quả điều tra thu nhập hộ nghèo đăng ký tham gia từ đầu năm, đến cuối năm 2019 có 43 hộ nghèo có mức thu nhập cao được lựa chọn hỗ trợ

(đạt 47,78% so với kế hoạch Đề án (90 hộ)) với tổng kinh phí 645 triệu đồng, cụ thể:

- Huyện Sơn Tây: 19 hộ x 15 triệu đồng = 285 triệu đồng.
- Huyện Tây Trà: 24 hộ x 15 triệu đồng = 360 triệu đồng.

### **7. Đánh giá hiệu quả Đề án**

- Việc thực hiện Đề án đã khơi dậy động lực, ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, các hộ nghèo đã nhận thức được việc lao động, sản xuất mới tăng thu nhập cho gia đình; tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước của một bộ phận hộ nghèo đã được cải thiện đáng kể.

- Trên địa bàn 02 huyện cuối năm 2019 có 704 hộ thoát nghèo (*Sơn Tây 279 hộ, Tây Trà 253 hộ*) là những hộ đã đăng ký từ đầu năm. Trong đó, có 43 hộ được xét chọn thụ hưởng chính sách từ Đề án (*15 triệu đồng/hộ*) là những hộ thoát nghèo bền vững không còn khả năng bị tái nghèo. Bởi, các hộ này đã được tuyên truyền làm thay đổi nhận thức có ý chí, quyết tâm lao động sản xuất tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo. Thực tế thu nhập bình quân của các hộ này tăng lên đáng kể như: Từ 8.400.000 đồng/người/năm tăng lên 21.600.000 đồng/người/năm (*đối với huyện Tây Trà*), từ 7.500.000 đồng/người/năm tăng lên 21.400.000 đồng/người/năm (*đối với huyện Sơn Tây*).

Trong số hộ nghèo đã đăng ký và tích cực thi đua lao động sản xuất (*296 hộ*) tuy không được chọn hết để hỗ trợ kinh phí từ Đề án, nhưng đây là nền tảng, cơ sở để hộ gia đình tiếp tục phấn đấu lao động, sản xuất để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo trong các năm tiếp theo.

- Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo:

+ Huyện Sơn Tây: Số hộ nghèo đầu năm 2019 là 2.374 hộ; tỷ lệ 43,31%. Đến cuối năm 2019 giảm xuống còn 2.095 hộ, tỷ lệ 37,54%. Như vậy, tỷ lệ hộ nghèo giảm 5,77%. So với những năm trước đây tỷ lệ hộ nghèo giảm đã tăng lên khoảng 0,77%.

+ Huyện Tây Trà: Số hộ nghèo đầu năm 2019 là 3.013 hộ nghèo, tỷ lệ 64,15%. Đến cuối năm 2019 giảm xuống còn 2.760 hộ nghèo, tỷ lệ 59,54%. Như vậy, tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,61%.

- Việc tổ chức triển khai, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động của cả hệ thống chính trị trong thực hiện Đề án trên địa bàn 02 huyện: Đa số hộ nghèo và cán bộ, công chức, viên chức được tiếp cận được nội dung, chính sách của Đề án. Trong đó, có 296 hộ nghèo đã thay đổi nhận thức, có ý chí vươn lên thoát nghèo và 43 hộ được lựa chọn xét duyệt hỗ trợ kinh phí từ Đề án đã từng bước tạo nên gương điển hình về phong trào thi đua, lao động sản xuất rất thiết thực cho mọi người dân trên địa bàn 02 huyện trong những năm tiếp theo.

- Với kết quả đạt được từ Đề án đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô

hình giảm nghèo, cụ thể: Hộ nghèo nhận thức được việc hỗ trợ dự án, mô hình phải đảm bảo các điều kiện, nguyên tắc theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và các quy định hiện hành.

## **8. Thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân**

### ***a) Những thuận lợi***

- Việc triển khai thực hiện Đề án đã được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp của Mặt trận, đoàn thể các cấp nên trong quá trình triển khai Đề án được thuận lợi, sâu sát đến từng địa phương cơ sở, cộng đồng và người dân.

- Các địa phương được thực hiện Đề án đều thuộc diện đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 nên đã tạo điều kiện cho hộ nghèo có nhiều nguồn lực để thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả, tăng thu nhập cho gia đình, vươn lên thoát nghèo bền vững.

### ***b) Khó khăn, tồn tại***

- Khó khăn, tồn tại khách quan và nguyên nhân

- Mức thu nhập bình quân/người/năm theo quy định tối thiểu là 20.000.000 đồng là tương đối cao đối với hộ nghèo vì đa số hộ nghèo chỉ trông chờ vào các sản phẩm nông nghiệp như cau, keo, mì... mà những sản phẩm này trong năm 2019 lại chịu ảnh hưởng yếu tố thời tiết và giá cả thị trường thấp. Do đó chỉ có 49 hộ nghèo có mức thu nhập bình quân trên 20.000.000 đồng/người/năm.

- Khó khăn, tồn tại chủ quan và nguyên nhân

+ Sự phối hợp giữa chính quyền với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp huyện đến cấp xã chưa chặt chẽ và thường xuyên; đặc biệt các đoàn thể ở cấp cơ sở chưa nắm kỹ nội dung chính sách theo quy định của Đề án nên hiệu quả công tác tuyên truyền chưa thật sự cao; việc trung dụng cán bộ xã, thôn để theo dõi, hướng dẫn hộ nghèo trong quá trình thực hiện Đề án nhưng việc thực hiện nội dung này chủ yếu là cán bộ được phân công trực tiếp thực hiện.

+ Nhận thức của các hộ nghèo tham gia đề án còn hạn chế, chưa mạnh dạn đăng ký tham gia đề án cũng như vốn vay ưu đãi của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững, do vậy mức thu nhập của hộ các hộ được hưởng chính sách chưa cao.

- Tồn tại, hạn chế xuất phát từ nội dung của Đề án.

+ Công tác theo dõi, hướng dẫn hộ gia đình mở sổ ghi chép thu nhập và chi tiêu hàng tháng gặp rất nhiều khó khăn, vì người dân ngại tiếp xúc, trao đổi, nguồn thu nhập hàng tháng, không nhớ các khoản chi tiêu hàng tháng

ngày trong tháng... nên rất khó khăn trong công tác theo dõi, thu thập thông tin, đánh giá.

+ Theo quy định của Đề án cuối năm chỉ xét 05 hộ/xã có mức thu nhập từ 20.000.000 đồng/người/năm trở lên. Tuy nhiên, trong thực tế một số xã có trên 05 hộ có mức thu nhập trên mức quy định, nhưng chỉ được xét chọn 05 hộ như: Sơn Màu 09 hộ xét chọn 05 hộ, Sơn Lập 07 hộ xét chọn 05 hộ. Vì thế huyện Sơn Tây có 25 hộ có mức thu nhập trên mức quy định, nhưng chỉ được xét chọn 19 hộ được thụ hưởng chính sách từ Đề án. Ngược lại, một số xã lại không đủ 05 hộ đảm bảo mức thu nhập này như: Sơn Dung 01 hộ, Sơn Mùa không có hộ nào, Trà Xinh 01 hộ, Trà Khê không có hộ nào... dẫn đến số hộ được xét chọn không đảm bảo mục tiêu của Đề án.

+ Theo quy định của Đề án, để theo có cơ sở đánh giá thu nhập của hộ nghèo đăng ký tham gia Đề án thì phải bố trí cán bộ theo dõi, hướng dẫn hộ nghèo thu, chi hàng tháng. Tuy nhiên, mỗi xã chỉ có khả năng bố trí 01 công chức để theo dõi, hướng dẫn cho hộ nghèo (*hàng tháng phải trực tiếp đến các hộ nghèo ít nhất 01 lần để theo dõi, hướng dẫn, mở sổ ghi chép quá trình sản xuất kinh doanh, các nguồn thu của chủ hộ phát sinh trong tháng*). Đây là nhiệm vụ rất khó khăn, vì số lượng hộ nghèo tại các xã đăng ký tham gia Đề án nhiều. Trong khi đó 01 công chức xã được phân công theo dõi Đề án phải đảm đương nhiều nhiệm vụ chuyên môn tại xã. Vì thế, UBND xã đã phải trưng dụng cán bộ, công chức, người không chuyên trách để tham gia thực hiện Đề án. Điều đó làm ảnh hưởng lớn đến công tác, nhiệm vụ chuyên môn khác của xã.

+ Bản chất của Đề án là "hộ nghèo càng tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị thì càng được hỗ trợ nhiều từ kinh phí của nhà nước" nên việc theo dõi sản phẩm làm ra của hộ nghèo bắt buộc phải nhiều biểu, mẫu để thu thập thông tin được tương đối chính xác. Điều này rất khó khăn cho cán bộ phân công phụ trách, theo dõi, hướng dẫn, cũng như việc ghi chép của hộ nghèo. Bởi vì số lượng hộ nghèo tại các xã trên địa bàn huyện đăng ký tham gia nhiều. Trong khi đó, công chức văn hóa - xã hội ở cấp xã (*được phân công theo dõi đề án*) phải đảm đương nhiều nhiệm vụ công tác khác theo vị trí chức danh công chức, nên không thể bố trí thời gian đến theo dõi, hướng dẫn hộ theo quy định.

## **9. Kiến nghị, đề xuất**

Từ những kết quả đạt được và những khó khăn, tồn tại như đã đánh giá trên và trên cơ sở kiến nghị của UBND các huyện: Sơn Tây và Tây Trà, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp và đề nghị UBND tỉnh xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy cho tiếp tục triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn 06 huyện miền núi. Tuy nhiên, cần điều chỉnh, thống nhất một số nội dung sau:

- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho người dân nhận thức đầy đủ về chính sách khuyến khích của Đề án đã đăng ký tham gia.

- Không giao chỉ tiêu theo từng xã (5 hộ/xã) mà xét những hộ có thu nhập cao nhất trên địa bàn huyện để hưởng chính sách khuyến khích theo Đề án.

- Cần xem xét, điều chỉnh lại mức thu nhập bình quân từ 20 triệu đồng/người/năm xuống mức từ 10 - 15 triệu đồng/người/năm.

- Phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh để biểu dương cho các hộ có mức thu nhập theo quy định đã được phê duyệt; kinh phí mua văn phòng phẩm, in ấn sổ nhật ký theo dõi thực hiện Đề án ở địa phương.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo./.

**Phụ lục**

**Kết quả đăng ký, tham gia của hộ nghèo thực hiện Đề án**

*(Kèm theo Báo cáo số .../BC-SLĐTBXH ngày .../.../2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)*

| T<br>T | Huyện, xã     | Số thôn | Tổng số<br>hộ dân | Tổng số<br>hộ nghèo<br>trên địa<br>bàn | Tổng số<br>hộ nghèo<br>đăng ký<br>ban đầu | Số hộ nghèo được lựa chọn theo dõi<br>(25%-30%) |                                                    |                                                          | Số hộ được<br>duyet, hỗ<br>trợ (không<br>quá 05<br>hộ/xã) | Số hộ có<br>thu nhập<br>bình quân<br>từ 20 triệu<br>đồng/người<br>/năm trở<br>lên |
|--------|---------------|---------|-------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|        |               |         |                   |                                        |                                           | Tổng số<br>hộ                                   | Trong đó                                           |                                                          |                                                           |                                                                                   |
|        |               |         |                   |                                        |                                           |                                                 | Số hộ tích<br>cực lao động<br>SX, tăng thu<br>nhập | Số hộ không<br>tích cực lao<br>động SX, tăng<br>thu nhập |                                                           |                                                                                   |
| A      | B             | 1       | 2                 | 3                                      | 4                                         | 5=(6+7)                                         | 6                                                  | 7                                                        | 8                                                         | 9                                                                                 |
| I      | Huyện Sơn Tây | 42      | 5.580             | 2.374                                  | 1.747                                     | 500                                             | 245                                                | 255                                                      | 19                                                        | 25                                                                                |
| 1      | xã Sơn Dung   | 6       | 1.152             | 423                                    | 153                                       | 53                                              | 40                                                 | 13                                                       | 1                                                         | 1                                                                                 |
| 2      | xã Sơn Long   | 4       | 603               | 277                                    | 251                                       | 66                                              | 30                                                 | 36                                                       | 1                                                         | 1                                                                                 |
| 3      | xã Sơn Mùa    | 5       | 835               | 296                                    | 150                                       | 42                                              | 15                                                 | 27                                                       | 0                                                         | 0                                                                                 |
| 4      | xã Sơn Liên   | 4       | 386               | 198                                    | 190                                       | 50                                              | 35                                                 | 15                                                       | 5                                                         | 5                                                                                 |
| 5      | xã Sơn Bua    | 3       | 428               | 217                                    | 164                                       | 49                                              | 11                                                 | 38                                                       | 0                                                         | 0                                                                                 |
| 6      | xã Sơn Tân    | 6       | 792               | 309                                    | 255                                       | 62                                              | 20                                                 | 42                                                       | 0                                                         | 0                                                                                 |
| 7      | xã Sơn Màu    | 4       | 437               | 238                                    | 193                                       | 49                                              | 42                                                 | 7                                                        | 5                                                         | 9                                                                                 |
| 8      | xã Sơn Tinh   | 7       | 614               | 256                                    | 245                                       | 66                                              | 30                                                 | 36                                                       | 2                                                         | 2                                                                                 |
| 9      | xã Sơn Lập    | 3       | 333               | 160                                    | 146                                       | 63                                              | 22                                                 | 41                                                       | 5                                                         | 7                                                                                 |
| II     | Huyện Tây Trà | 36      | 4.697             | 3.013                                  | 676                                       | 169                                             | 51                                                 | 118                                                      | 24                                                        | 24                                                                                |
| 1      | Trà Xinh      | 3       | 545               | 364                                    | 108                                       | 21                                              | 5                                                  | 16                                                       | 1                                                         | 1                                                                                 |
| 2      | Trà Phong     | 7       | 1.090             | 696                                    | 131                                       | 31                                              | 10                                                 | 21                                                       | 5                                                         | 5                                                                                 |
| 3      | Trà Khê       | 3       | 447               | 298                                    | 60                                        | 16                                              | 3                                                  | 13                                                       | 0                                                         | 0                                                                                 |
| 4      | Trà Quân      | 3       | 443               | 287                                    | 18                                        | 12                                              | 4                                                  | 8                                                        | 2                                                         | 2                                                                                 |
| 5      | Trà Thanh     | 4       | 505               | 340                                    | 70                                        | 22                                              | 7                                                  | 15                                                       | 5                                                         | 5                                                                                 |
| 6      | Trà Trung     | 3       | 164               | 98                                     | 41                                        | 10                                              | 2                                                  | 8                                                        | 0                                                         | 0                                                                                 |

| T<br>T    | Huyện, xã | Số thôn | Tổng số<br>hộ dân | Tổng số<br>hộ nghèo<br>trên địa<br>bản | Tổng số<br>hộ nghèo<br>đăng ký<br>ban đầu | Số hộ nghèo được lựa chọn theo dõi<br>(25%-30%) |                                                    |                                                          | Số hộ được<br>duyet, hỗ<br>trợ (không<br>quá 05<br>hộ/xã) | Số hộ có<br>thu nhập<br>bình quân<br>từ 20 triệu<br>đồng/người<br>/năm trở<br>lên |
|-----------|-----------|---------|-------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|           |           |         |                   |                                        |                                           | Tổng số<br>hộ                                   | Trong đó                                           |                                                          |                                                           |                                                                                   |
|           |           |         |                   |                                        |                                           |                                                 | Số hộ tích<br>cực lao động<br>SX, tăng thu<br>nhập | Số hộ không<br>tích cực lao<br>động SX, tăng<br>thu nhập |                                                           |                                                                                   |
| 7         | Trà Thọ   | 5       | 513               | 277                                    | 84                                        | 19                                              | 7                                                  | 12                                                       | 4                                                         | 4                                                                                 |
| 8         | Trà Lanh  | 4       | 498               | 334                                    | 84                                        | 22                                              | 8                                                  | 14                                                       | 5                                                         | 5                                                                                 |
| 9         | Trà Nham  | 4       | 492               | 319                                    | 80                                        | 16                                              | 5                                                  | 11                                                       | 2                                                         | 2                                                                                 |
| Tổng cộng |           | 78      | 10.277            | 5.387                                  | 2.423                                     | 669                                             | 296                                                | 373                                                      | 43                                                        | 49                                                                                |